

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*1/- Ông Trần Văn Tám;*

*2/- Ông Lê Văn Tám.*

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*1/- Nguyên đơn:* Bà Võ Thị P, sinh năm 1982;

*Địa chỉ:* Số 48/8A, phường A, T phố M, tỉnh Tiền Giang.

*2/- Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

*Địa chỉ:* Ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bà P và ông T vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T do quen biết, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2006, được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/10/2006. Chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì ông T thay đổi tính tình, bạo lực gia đình, đánh đập bà và các con; ông T còn lười lao động và gây nợ nần. Bà và ông T đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay.

Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Giữa bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Bảo Gia H, sinh ngày 25/3/2006 và Nguyễn Huỳnh Phúc B, sinh ngày 23/8/2009. Hiện nay cháu Phúc B đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia H.

Bà P yêu cầu giao cháu Phúc B cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Gia H cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn, ông Nguyễn Văn T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

\*Tại phiên phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Võ Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Bà Võ Thị P là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P.

Ông Nguyễn Văn T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

#### **[2]. Về quan hệ hôn nhân:**

Giữa bà Võ Thị P và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, P xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T trầm trọng không hòa giải hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt do ông T có hành vi bạo hành, gây nợ nần.

Ông T không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của bà P, cũng không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa chứng tỏ ông không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với bà P nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định lời trình bày của bà P về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

#### **[3]. Về con chung:**

Bà P yêu cầu nuôi 01 con chung tên Nguyễn Bảo Gia H, sinh ngày 25/3/2006, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con; giao 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Phúc B, sinh ngày 23/8/2009 cho ông T nuôi dưỡng.

Ông T không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung theo yêu cầu khởi kiện của bà P.

Thấy rằng: Yêu cầu nuôi con chung của bà P là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cháu Phúc B có bản khai xác định nguyện vọng được sống chung với ông T nên bà P yêu cầu giao cháu Phúc B cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo nguyện vọng của cháu Phúc, ông T không có văn bản phản đối.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho cháu Hân là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông T có yêu cầu bà P cấp dưỡng cho cháu Phúc Bảo.

[4]. Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Bà P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **\* Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Xử:**

1. Chấp nhận cho bà Võ Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Bảo Gia H, sinh ngày 25/3/2006 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho cháu Hân.

- Giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Phúc B, sinh ngày 23/8/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng cho cháu Phúc.

Ông T và bà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0391 ngày 07/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên bà P không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà P và ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: P, T;
- UBND xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT